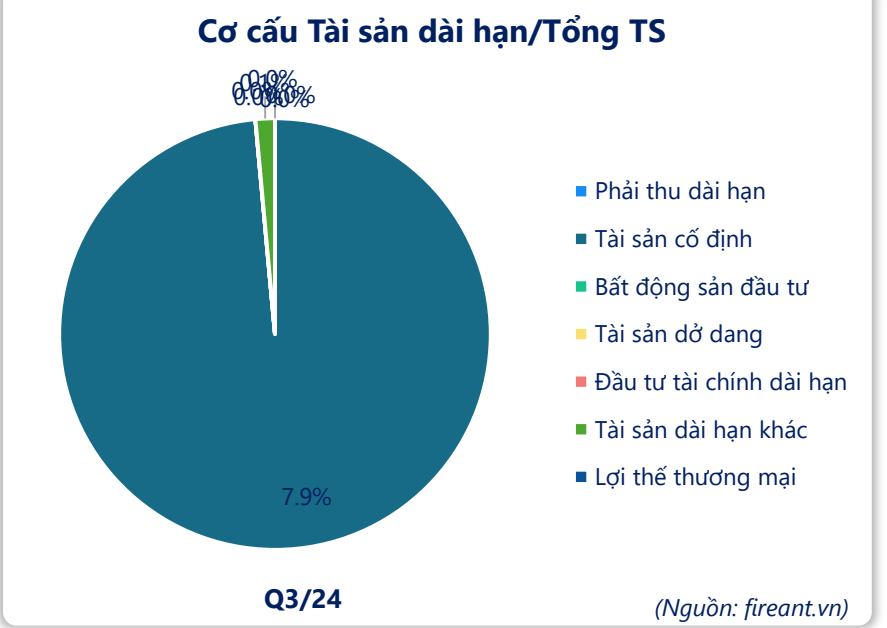
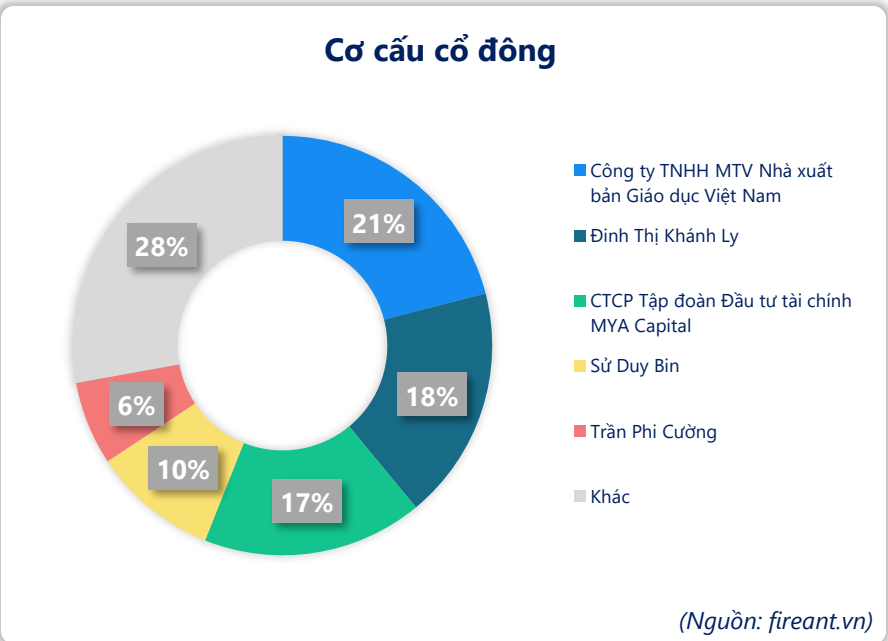
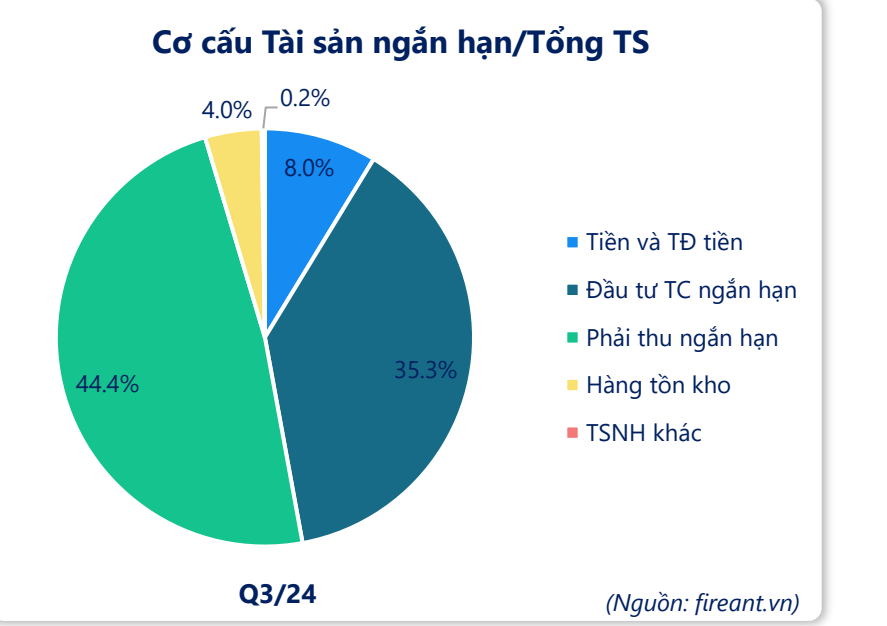
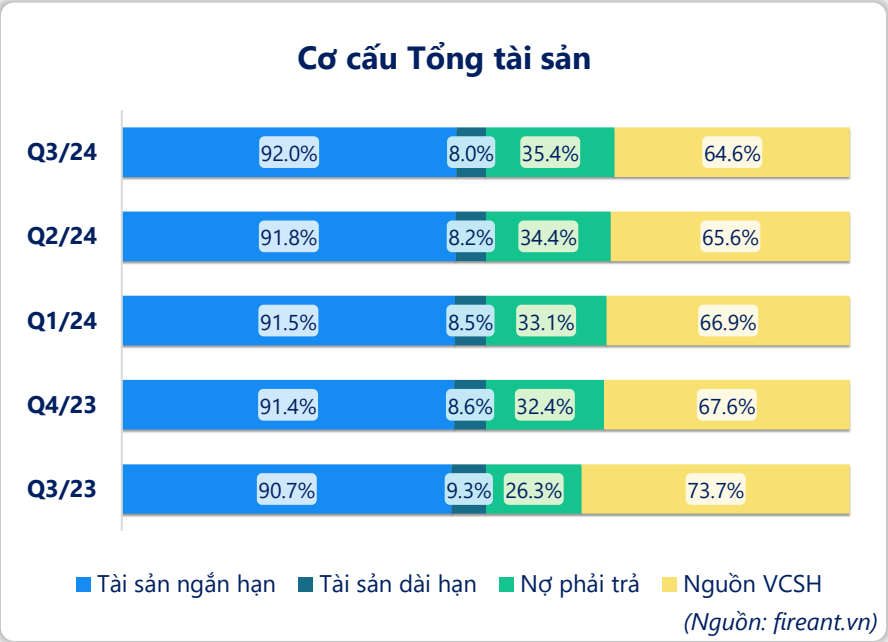
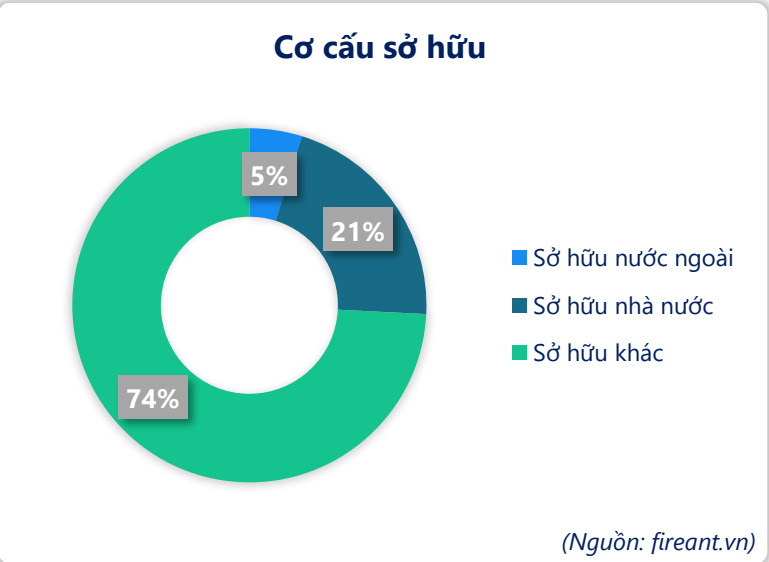
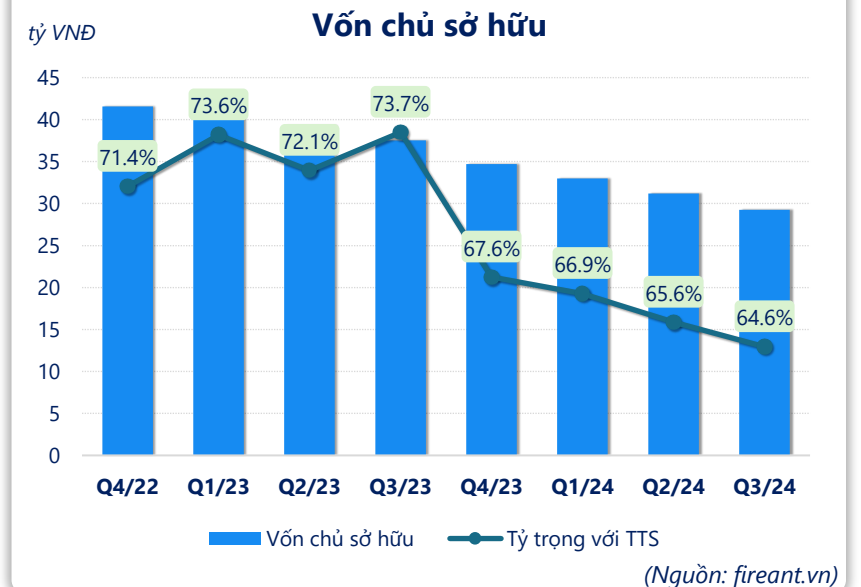
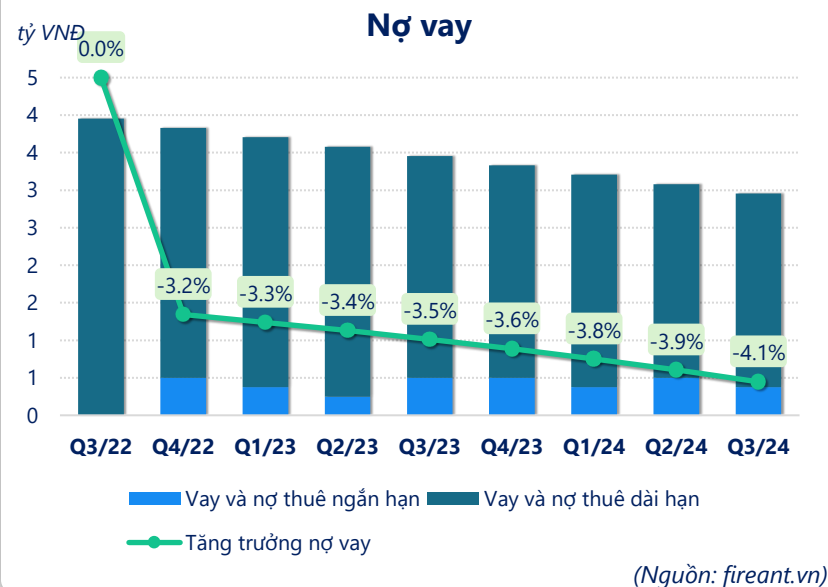
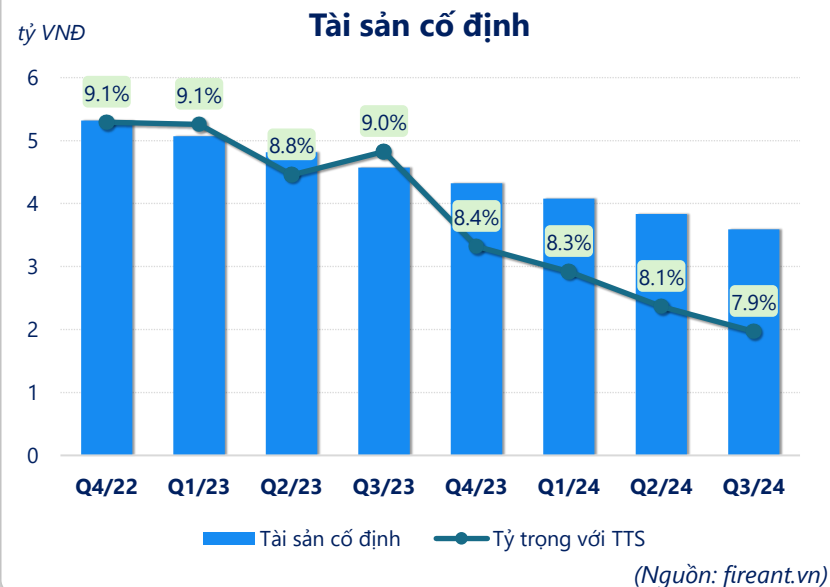
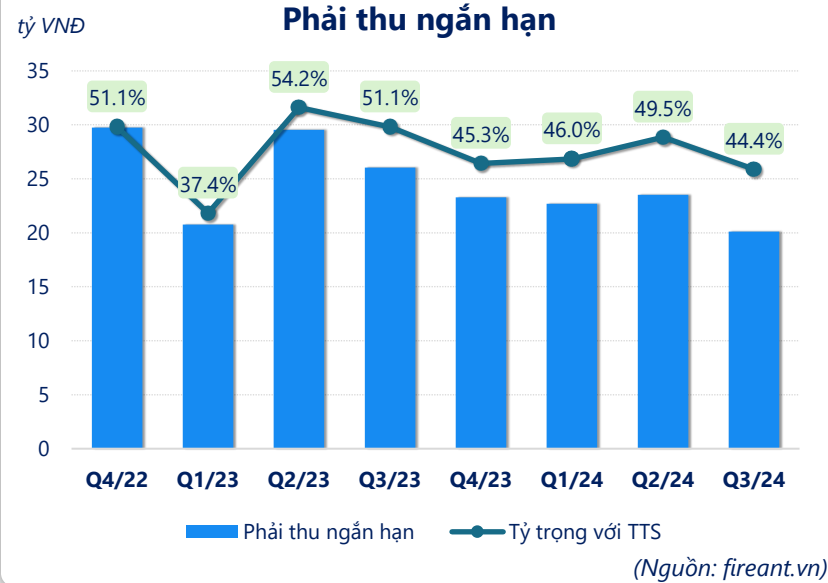
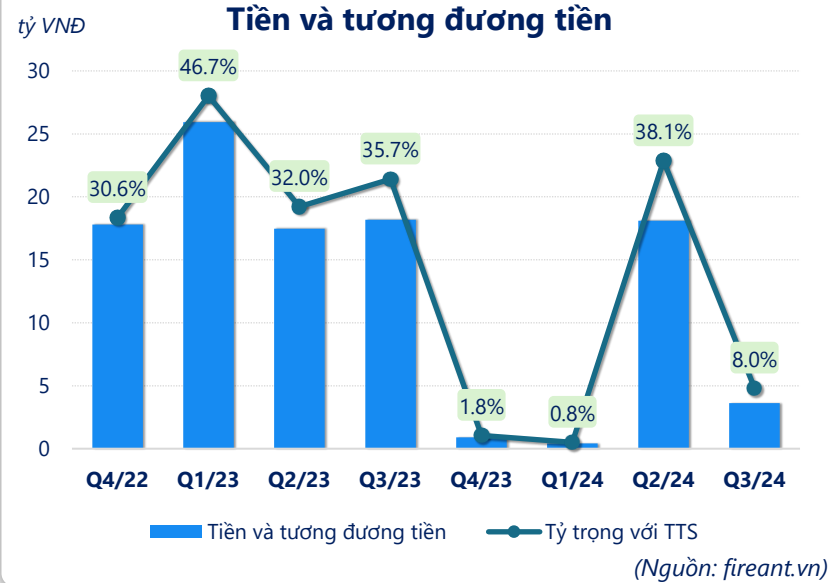
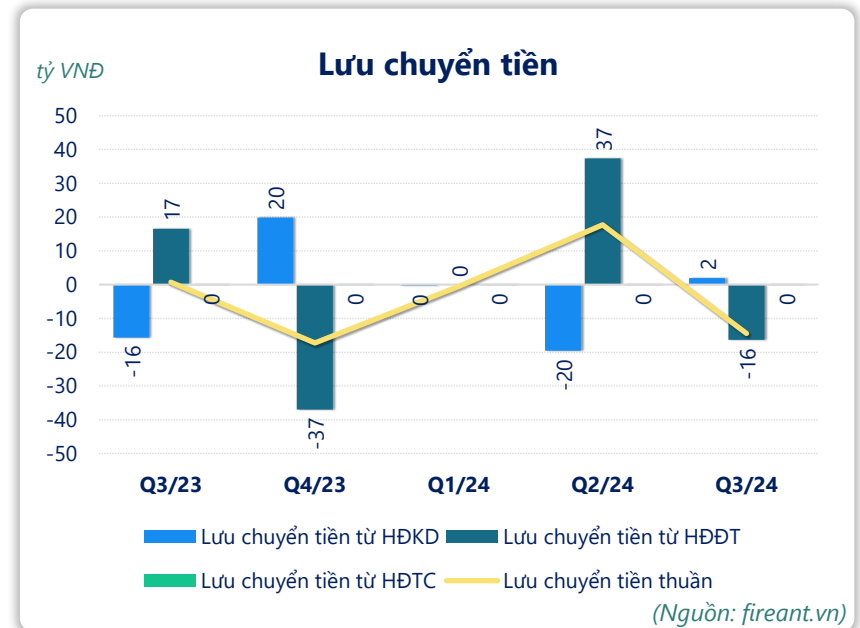
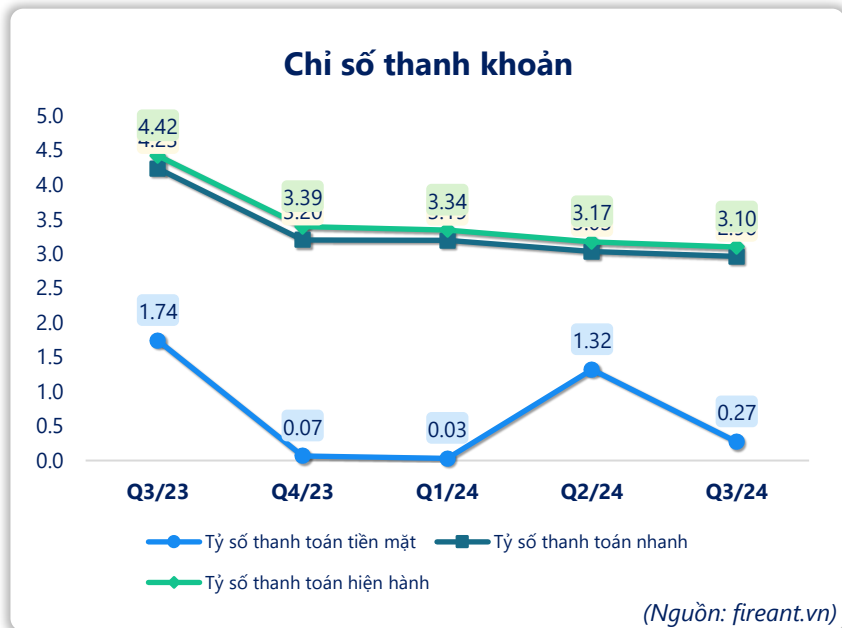
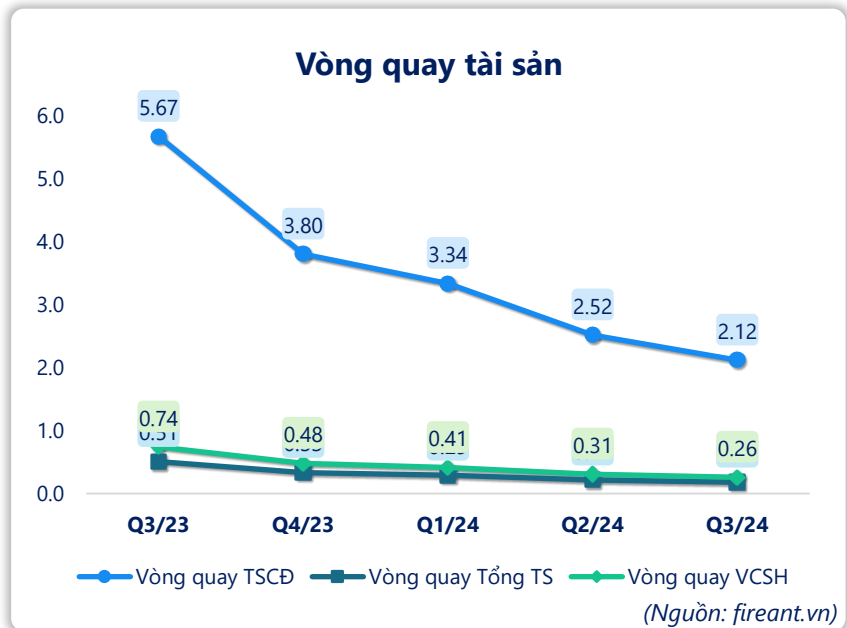
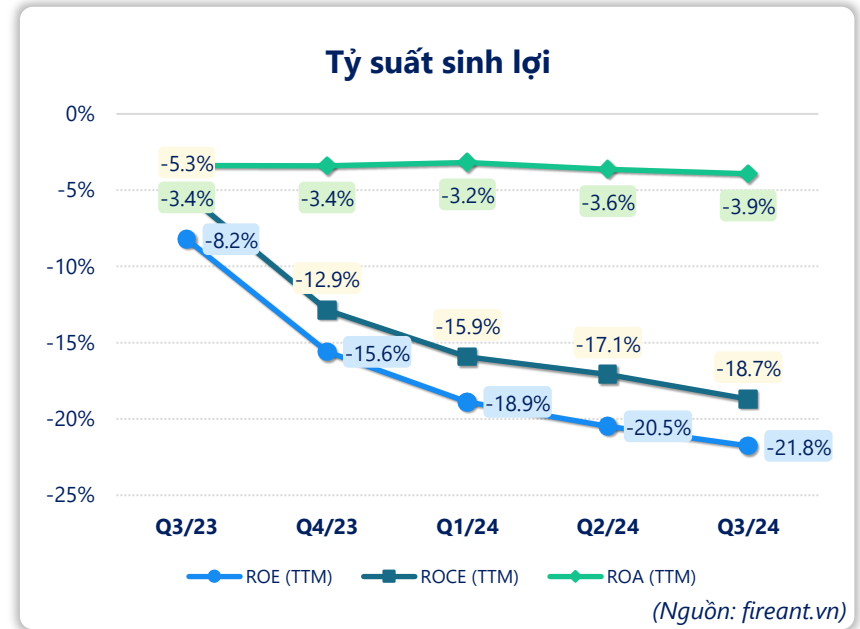
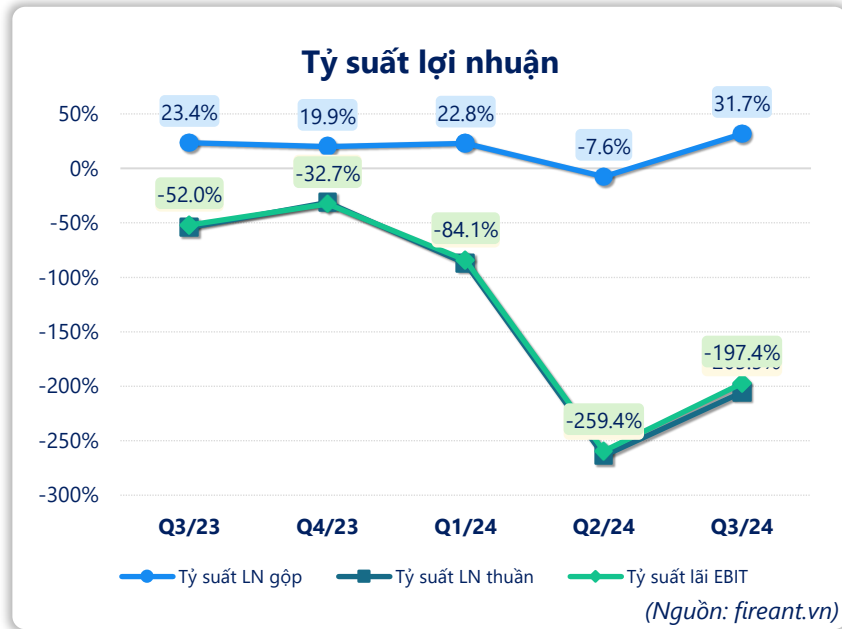
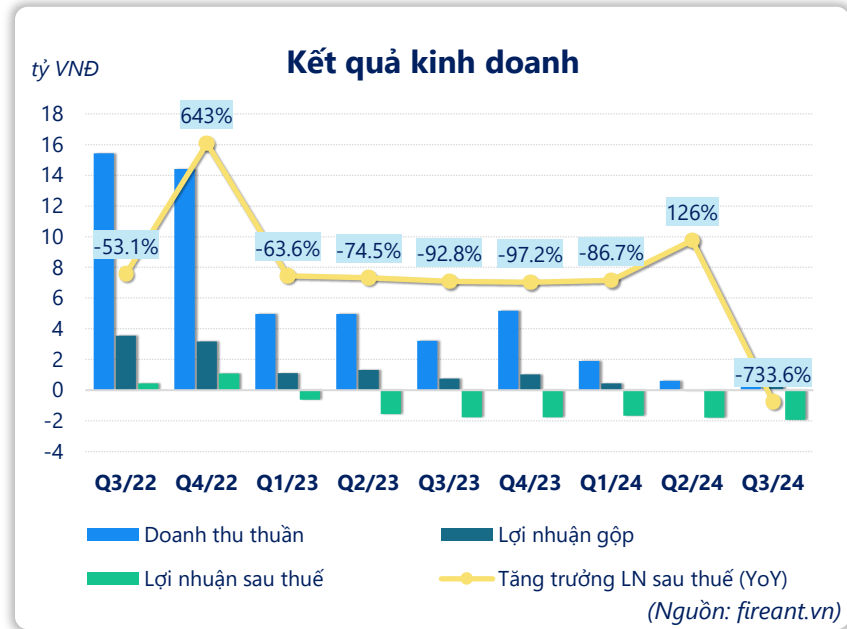


Thông tin giao dịch		30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		24,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		24,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		24,500
SL cổ phiếu LH		1,760,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		
% sở hữu nước ngoài		4.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		43
P/E		-5.9
EPS		-4,131

	YTD	1T	3T	6T
ECI	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
VNINDEX	13.8%	0.3%	0.9%	0.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	45.3	51.3	-11.7%
Tài sản ngắn hạn	41.7	46.9	-11.2%
Tiền và tương đương tiền	3.63	0.90	301%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	16.0	20.0	-20.0%
Phải thu ngắn hạn	20.1	23.2	-13.5%
Hàng tồn kho	1.83	2.70	-32.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.10	0.05	87.6%
Tài sản dài hạn	3.64	4.44	-17.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	3.59	4.32	-17.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.05	0.11	-53.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	16.0	16.7	-3.9%
Nợ ngắn hạn	13.5	13.9	-2.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.37	0.50	-25.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	9.55	9.53	0.1%
Nợ dài hạn	2.58	2.83	-8.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.58	2.83	-8.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	29.3	34.6	-15.5%
Vốn chủ sở hữu	29.3	34.6	-15.5%
Vốn điều lệ	18.6	18.6	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Doanh thu thuần	3.22	5.18	1.89	0.60	0.97
Giá vốn hàng bán	2.46	4.15	1.46	0.65	0.66
Lợi nhuận gộp	0.75	1.03	0.43	-0.05	0.31
Doanh thu HĐTC	0.04	0.09	0.05	0.85	0.03
Chi phí TC	0.08	0.08	0.07	0.07	0.06
Chi phí lãi vay	0.08	0.07	0.07	0.07	0.06
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.06	1.21	0.81	0.92	1.09
Chi phí QLDN	1.41	1.45	1.26	1.41	1.18
LN thuần từ HĐKD	-1.75	-1.62	-1.65	-1.59	-1.99
Lợi nhuận khác	0	-0.15	-0.01	-0.04	0.01
LN trước thuế	-1.75	-1.77	-1.66	-1.63	-1.98
Lợi nhuận sau thuế	-1.76	-1.77	-1.67	-1.78	-1.93
LNST của CĐ cty mẹ	-1.84	-1.86	-1.67	-1.85	-1.89

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-15.7	19.9	-0.37	-19.5	1.98
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	16.5	-37.0	0.01	37.4	-16.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.12	-0.12	-0.12	-0.12	-0.12
Tiền đầu kỳ	17.5	18.2	0.90	0.42	18.1
Lưu chuyển tiền thuần	0.70	-17.3	-0.49	17.7	-14.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	18.2	0.90	0.42	18.1	3.63

(Nguồn: fireant.vn)